

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty Cổ phần Phú Gia Khiêm Land chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Khu chung cư cao cấp Phú Hồng Thịnh tại phường An Phú, thị xã Thuận An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 114/TTr-STNMT ngày 13/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Phú Gia Khiêm Land sử dụng khu đất có diện tích 6.744,5m² để thực hiện dự án Khu chung cư cao cấp Phú Hồng Thịnh. Cụ thể như sau:

1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất ở tại đô thị với hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích 1.587,2m².

2. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất sử dụng vào mục đích công cộng với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất với diện tích 2.562,8m² để sử dụng vào mục đích:

a) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (đất cây xanh): 1.081,4m².

b) Đất giao thông: 1.481,4m².

3. Lập thủ tục đăng ký biến động đối với diện tích 1.250m² đất ở với hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

4. Đối với diện tích 1.344,5m² thuộc đất hành lang an toàn đường bộ: Quản lý, sử dụng theo quy định về hành lang an toàn đường bộ.

5. Vị trí và địa điểm khu đất: Tại các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 103 phường An Phú, thị xã Thuận An (Theo Phụ lục đính kèm và Bản đồ lồng ghép quy hoạch tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác lập ngày 19/02/2020).

6. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 19/3/2070.

7. Giá đất tính tiền sử dụng đất: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo Công ty Cổ phần Phú Gia Khiêm Land thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Phú Gia Khiêm Land sau khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Chỉnh lý hồ sơ địa chính.

4. Xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phú Gia Khiêm Land chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thi công xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An phê duyệt.

3. Đến Ủy ban nhân dân phường An Phú, thị xã Thuận An để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

4. Thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã đăng ký, sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích.

5. Chậm nhất 12 tháng sau khi ký Quyết định này và tiếp theo định kỳ 06 tháng, phải báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An.

6. Đất được Nhà nước giao đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Giám đốc Công ty Cổ phần Phú Gia Khiêm Land và Thủ trưởng

các ban ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Công thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- LĐVP (Lg, Th), Tn;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH KHU CHUNG CỦ CAO CẤP PHÚ HỒNG THỊNH
TẠI PHƯỜNG AN PHÚ - THỊ XÃ THUẬN AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số QĐ/SUBND ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: m²



STT	TÊN LÔ	TỜ BẢN ĐỒ	THỦA CŨ	THỦA MỚI	TỔNG DIỆN TÍCH LÔ	DIỆN TÍCH	LOẠI ĐẤT MỚI	LOẠI ĐẤT CŨ
1	CC-TM	103	130	1075	2,837.2	1,250.0	Đất xây dựng công trình	ODT
2		103	130			23.4	Đất xây dựng công trình	SKC
3		103	130			16.8	Đất xây dựng công trình	SKC
4		103	130			1,547.0	Đất xây dựng công trình	SKC
5	CX-CV	103	130	1076	414.1	65.3	Đất cây xanh	SKC
6		103	130			320.4	Đất cây xanh	SKC
7		103	130			28.4	Đất cây xanh	SKC
8		103	130	1077	53.3	53.3	Đất cây xanh	SKC
9		103	130	1078	48.4	10.4	Đất cây xanh	SKC
10		103	130			38.0	Đất cây xanh	SKC
11		103	130	1079	52.9	52.9	Đất cây xanh	SKC
12		103	130	1080	36.3	36.3	Đất cây xanh	SKC
13		103	130	1081	41.8	41.8	Đất cây xanh	SKC
14		103	130	1082	41.8	41.8	Đất cây xanh	SKC
15		103	130	1083	201.8	201.8	Đất cây xanh	SKC
16		103	130	1084	52.9	52.9	Đất cây xanh	SKC
17		103	130	1085	36.3	36.3	Đất cây xanh	SKC
18		103	130	1086	53.3	53.3	Đất cây xanh	SKC
19		103	130	1087	48.5	10.4	Đất cây xanh	SKC
20		103	130			38.1	Đất cây xanh	SKC
21	GT	103	130	1088	1,481.4	645.9	Đất giao thông	SKC
22		103	130			26.4	Đất giao thông	SKC
23		103	130			26.4	Đất giao thông	SKC
24		103	130			782.7	Đất giao thông	SKC
25		103	130			191.7	Đất hành lang an toàn đường bộ	Đất HLATĐB



STT	TÊN LÔ	TỜ BẢN ĐỒ	THỦ TƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC THỦ TƯỚNG MỘI HÌNH	TỔNG DIỆN TÍCH LÔ	DIỆN TÍCH	LOẠI ĐẤT MỚI	LOẠI ĐẤT CŨ
26	ĐẤT NGOÀI CƠ CẨU	103	130	1,344.5	36.8	Đất hành lang an toàn đường bộ	Đất HLATĐB
27		103	130		168.7	Đất hành lang an toàn đường bộ	Đất HLATĐB
28		103	130		37.7	Đất hành lang an toàn đường bộ	Đất HLATĐB
29		103	130		169.5	Đất hành lang an toàn đường bộ	Đất HLATĐB
30		103	130		740.1	Đất hành lang an toàn đường bộ	Đất HLATĐB
TỔNG				6,744.5	6,744.5		